

Số: /KH-UBND

Sơn Tinh, ngày tháng 6 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 26/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động*); UBND huyện ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch hành động (*sau đây viết tắt là Kế hoạch*) với những nội dung chủ yếu như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Tổ chức cụ thể hóa và thực hiện đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Kế hoạch hành động; Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW*); Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây viết tắt là Nghị quyết số 71/NQ-CP*) và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU ngày 29/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*sau đây viết tắt là Kế hoạch hành động số 359-KH/TU*).

2. Xác định nhiệm vụ cụ thể để các phòng, ban, đơn vị, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động, Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 359-KH/TU phù hợp với ngành, lĩnh vực quản lý, hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, đổi mới phương thức quản trị địa phương, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa huyện Sơn Tinh phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

II. CHỈ TIÊU CỤ THỂ *(Chi tiết tại Phụ lục I)*

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân. Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số 57-NQ/TW gắn với thực tiễn của địa phương. Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Xây dựng tài liệu, cẩm nang về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số dưới dạng dễ tiếp cận (video clip, infographic, mạng xã hội...).

b) Người đứng đầu cơ quan, địa phương phải trực tiếp phụ trách, chỉ đạo triển khai và chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể. Kế hoạch cần xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể cho từng giai đoạn năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045 (*Tập trung các chỉ tiêu về số lượng đề tài, dự án ứng dụng KH&CN; doanh nghiệp KH&CN; sáng kiến; tỉ lệ đóng góp của TFP, PII; dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần; tỷ lệ dân số có tài khoản định danh điện tử; số lượng doanh nghiệp ứng dụng công nghệ số...*). Kế hoạch cần phân công đơn vị chủ trì, đơn vị phối hợp cho từng nhiệm vụ và cần xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...).

c) Người đứng đầu phải cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị; tích cực đặt hàng các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để giải quyết các vấn đề thực tiễn tại cơ quan, địa phương. Kết quả thực hiện là tiêu chí đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng hằng năm của cán bộ, công chức.

d) Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương thức truyền thông.

- Các cơ quan truyền thông, Trang thông tin điện tử huyện, trang thông tin các phòng, ban ngành, địa phương phổ biến lợi ích của phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trên mạng xã hội và các nền tảng số. Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, phát thanh, mạng xã hội...).

- Xây dựng kênh truyền thông chuyên biệt (Trang thông tin, bản tin, chuyên mục truyền hình địa phương...) về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Xây dựng chương trình truyền thông riêng cho từng đối tượng (cán bộ lãnh đạo, chuyên viên, doanh nghiệp, người dân...).

đ) Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

e) Xây dựng chương trình, kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số” thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức và Nhân dân.

g) Phân đầu bố trí tỉ lệ cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.

h) Phát động phong trào thi đua trong toàn huyện để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và Nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các nhà khoa học, nhà sáng chế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số; trân trọng từng phát minh, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc, dù nhỏ nhất.

k) Phát động phong trào phát minh, sáng chế, cải tiến kỹ thuật, sáng kiến nâng cao hiệu quả công tác, hiệu suất công việc trong mọi cơ quan, tổ chức và doanh nghiệp.

i) Xây dựng, ban hành quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.

2. Phối hợp hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật thuộc thẩm quyền của địa phương hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, chính sách đặc thù về tài chính, tăng cường phân cấp, ủy quyền. Khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế, chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

b) Xây dựng các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của huyện giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch của tỉnh tầm nhìn tới 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

c) Cụ thể hóa các cơ chế, chính sách đặc thù được quy định tại Nghị quyết số 193/2025/QH12 về thí điểm một số cơ chế chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển

khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia thành cơ chế chính sách đặc thù, vượt trội thực hiện tại địa phương để hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao. Triển khai cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước và các doanh nghiệp trên địa bàn. Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư hợp tác công - tư cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu.

d) Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai các chiến lược về phát triển hạ tầng số tỉnh Quảng Ngãi từng giai đoạn 10 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045.

b) Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

c) Khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của sở, ngành, địa phương để phát triển kinh tế - xã hội.

d) Khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu để người dân, doanh nghiệp khai thác, tạo giá trị mới, đổi mới sáng tạo.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

a) Triển khai chiến lược, chính sách đào tạo, bồi dưỡng, thu hút, trọng dụng nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao.

b) Triển khai bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức. Tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

a) Triển khai các chiến lược về Chuyển đổi số, triển khai các cơ sở dữ liệu, hệ thống tin, các nền tảng số của tỉnh Quảng Ngãi từng giai đoạn 10 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045.

b) Tăng cường năng lực và kỹ năng cho cán bộ; Ứng dụng công nghệ và dữ liệu mở; Đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ để tạo không gian cho sáng tạo;

c) Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

- Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng: Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan Tỉnh (Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu tỉnh), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn. Nghiên cứu, đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Make in Việt Nam”.

d) Triển khai kế hoạch của Tỉnh để mỗi người dân có danh tính số, phương tiện số, kỹ năng số và tài khoản số, hình thành công dân số.

đ) Xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa số chất lượng cao; khuyến khích, thu hút đông đảo cộng đồng tham gia sáng tạo, sản xuất các sản phẩm văn hóa số tích cực, lành mạnh và hướng thiện trên môi trường số. Huy động, khuyến khích và triển khai cơ chế đãi ngộ động viên đội ngũ trí thức, thanh niên là lực lượng tiên phong xây dựng văn hóa số.

e) Triển khai các biện pháp quyết liệt, xử lý kịp thời các hiện tượng văn hóa số không lành mạnh, ảnh hưởng tới giá trị chung của xã hội, giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt là trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

a) Triển khai các chiến lược, chương trình, đề án cụ thể chuyển đổi số, phát triển kinh tế số từng giai đoạn 10 năm, đảm bảo mục tiêu đến năm 2045.

b) Triển khai chiến lược khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo. Triển khai chính sách đột phá nhằm khuyến khích và thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp công nghệ cao.

d) Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

đ) Triển khai chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số, bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

(Danh mục các nhiệm vụ chủ yếu tại Phụ lục II)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trên cơ sở nội dung Kế hoạch hành động này, các phòng, ban ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện.

2. Các phòng, ban ngành, địa phương có trách nhiệm rà soát các chương trình, kế hoạch hành động thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Chương trình hành động của Chính phủ, của tỉnh đã ban hành, còn hiệu lực thực hiện có liên quan đến phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để tham mưu điều chỉnh, đồng bộ thống nhất với Kế hoạch này, hoàn thành trong năm 2025.

3. Thủ trưởng các phòng, ban ngành, địa phương tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 1 năm báo cáo UBND huyện (thông qua Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin) kết quả thực hiện trước ngày 10 hàng tháng để tổng hợp, báo cáo UBND huyện.

4. Giao Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, kịp thời báo cáo và đề xuất UBND huyện xem xét, kiến nghị UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả.

5. Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với các phòng, ban ngành, địa phương tham mưu cấp có thẩm quyền bảo đảm nguồn kinh phí thực hiện hằng năm theo Kế hoạch này.

6. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Kế hoạch này, các phòng, ban ngành, địa phương chủ động đề xuất gửi Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin tổng hợp và báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Thường trực Huyện ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị - xã hội huyện;
- Các phòng, ban, ngành huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- CVP, PCVP (VX);
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Thảo

PHỤ LỤC I
DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /65/2025 của UBND huyện)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả					Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
			Đến hết năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2035	Đến năm 2040	Đến năm 2045	
1	Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp							
1.1	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ trên địa bàn	Doanh nghiệp		≥ 01	≥ 02	≥ 03	≥ 04	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
1.2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất/kinh doanh.	%	≥ 10	≥ 25	≥ 40	≥ 60	≥ 70	
1.3	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới quy trình, mô hình kinh doanh.	%	≥ 10	≥ 20	≥ 25	≥ 30	≥ 35	
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	%	30	60	85	95	100	
2	Xếp hạng chuyển đổi số cấp huyện (DTI)							
2.1	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp huyện được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	100	100	100	100	100	Phòng Nội vụ
2.2	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	%	≥ 80	100	100	100	100	
2.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	%	80	100	100	100	100	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
2.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông	%	80	90	95	97	99	Các phòng, ban ngành liên quan
2.5	Tỷ lệ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...)	%	-	-	-	≥ 80	≥ 90	Các phòng: GD&ĐT, TC-KH, VP HĐND và UBND huyện

2.6	Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích	Hoàn thành					X	VP HĐND và UBND huyện và Phòng Nội vụ
3	Quy mô kinh tế số	% GRDP	7	20	30	45	50	Sở Công Thương
4	Chỉ tiêu về thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử							
4.1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền	%	≥ 70	100	100	100	100	VP HĐND và UBND huyện
4.2	Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	%	≥ 80	100	100	100	100	
4.3	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	%	≥ 70	100	100	100	100	
4.4	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.	%	≥ 70	≥ 85	≥ 95	100	100	
4.5	Tỷ lệ nhiệm vụ được theo dõi, quản lý, giám sát của các cơ quan hành chính thực hiện trên môi trường điện tử	%	50	55	60	70	100	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
4.6	Tỷ lệ các cơ quan nhà nước thực hiện chỉ đạo, điều hành, quản trị nội bộ trên môi trường điện tử	%	60	90	100	100	100	
4.7	Tỷ lệ đảng ủy, chính quyền xã sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.	%	≥ 60	≥ 90	100	100	100 (Các hệ thống đảng số, chính quyền số vận hành hoàn toàn thông minh.)	
5	Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo							
5.1	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Doanh nghiệp	≥ 10	≥ 30	≥ 40	≥ 45	≥ 45	

5.2	Số lượng sản phẩm đổi mới sáng tạo được thương mại hóa hàng năm	Sản phẩm	≥ 5	≥ 10	≥ 15	≥ 20	≥ 25	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
6	Tổng chi ngân sách hằng năm cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	% tổng chi NSNN	$\geq 1,0$	$\geq 1,5$	≥ 2	$\geq 2,5$	≥ 3	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin và Phòng TC-KH
7	Tỷ lệ chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	% GRDP	2	3	3	3	3	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
8	Số lượng sáng kiến trong khu vực công được công nhận hàng năm	Sáng kiến	≥ 01	≥ 02	≥ 03	≥ 04	≥ 05	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
9	Hạ tầng số							
10.1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy nhập băng rộng cố định với tốc độ trên 1Gb/s.	%	60	100	100	100	100	
10.2	Tỷ lệ phủ sóng 5G cho người dân	% dân số	≥ 50	100	100	100	100	
10.3	Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn	% dân số	-	-	50	80	100	
11	Tỷ lệ cơ sở dữ liệu của tỉnh được số hóa và liên thông với Trung ương.	%	≥ 50	≥ 80	100	100	100	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
12	Kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành							
12.1	Tỷ lệ dữ liệu của các phòng, ban, ngành được tích hợp trên nền tảng chia sẻ LGSP	%	≥ 60	≥ 80	100	100	100	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
13	Tỷ lệ người dân có tài khoản định danh điện tử mức 2, cài đặt và sử dụng ứng dụng VNeID	%	≥ 85	≥ 90	≥ 95	100	100	Công an
14	Dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác	%	50	80	100	100	100	Ngân hàng Nhà nước

15	Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử	%	-	≥ 10	20	30	40	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin
16	Tỷ lệ người dân có Sổ sức khỏe điện tử	%	80	95	100	100	100	VP HĐND và UBND huyện

Ghi chú: (-): Chưa thực hiện; (X): Thực hiện

PHỤ LỤC II
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRIỂN KHAI THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 327/QĐ-UBND
NGÀY 26/5/2025 CỦA UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /6/2025 của UBND huyện)

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I.	Nhóm các nhiệm vụ về “Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”				
1	Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	Phòng, ban ngành, địa phương		Kế hoạch công tác	Thường xuyên
2	Hoàn thành xây dựng, cập nhật điều chỉnh kế hoạch triển khai Chương trình hành động của Chính phủ	Phòng Văn hoá, Khoa học và Thông tin	Phòng, ban ngành, địa phương	Kế hoạch	Tháng 6/2025
3	Phấn đấu bố trí tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng cơ quan, đơn vị nhà nước.	Phòng, ban ngành, địa phương		Có tỉ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo	Thường xuyên
4	Xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.	Phòng, ban ngành, địa phương		Quyết định của cấp có thẩm quyền	Tháng 9/2025
II.	Nhóm các nhiệm vụ “Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”				

TT	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
5	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.	Phòng, ban ngành, địa phương	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cắt giảm tối đa thủ tục hành chính	Tháng 9/2025
6	Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.	Phòng, ban ngành, địa phương	Văn phòng HĐND&UBND huyện	Thủ tục hành chính được tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình	Tháng 12/2025
III.	Nhóm nhiệm vụ “Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia”				
7	Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.	Phòng, ban ngành, địa phương	-	Hoàn thành các nền tảng số đảm bảo kết nối, liên thông	Tháng 12/2025
IV	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh				
8	Các địa phương tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.	Phòng, ban ngành, địa phương		Dữ liệu các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai được tạo lập, số hóa	2025 và những năm tiếp theo